

Vai trò nhà nước và mối quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội trong xây dựng và thực hiện chính sách xã hội ở Hoa Kỳ

PGS, TS. ĐẶNG THỊ ÁNH TUYẾT
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
Email: tuyetxahoihoc@gmail.com

TS. ĐÌNH THANH TÚ
Học viện Chính trị khu vực I

Nhận ngày 10 tháng 11 năm 2022; chấp nhận đăng tháng 3 năm 2023.

Tóm tắt: Hệ thống chính sách xã hội của một quốc gia chịu ảnh hưởng rất lớn bởi các giá trị tinh thần mà quốc gia đó theo đuổi, bối cảnh chính trị và thực tiễn kinh tế, xã hội từng thời kỳ. Từ đó mà các nhà hoạch định chính sách xác lập vai trò của nhà nước đến đâu? Nhà nước làm những việc gì? Vai trò của thị trường trong cung ứng phúc lợi xã hội? Và vai trò của xã hội? Trong giới hạn bài viết tập trung làm rõ mối quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội trong lịch sử chính sách xã hội Hoa Kỳ và so sánh chính sách xã hội của Hoa Kỳ với một số quốc gia.

Từ khóa: chính sách xã hội; nhà nước; thị trường và xã hội.

Abstract: A country's social policy system is greatly influenced by the spiritual values that it pursues, the political context as well as the socio-economic reality of each period. Based on those factors, policymakers determine the role of the state, what the state does, the role of the market in providing social welfare, and the role of society. This article focuses on clarifying the relationship of state-market-society in the history of American social policy and compares US social policy with some other countries.

Keywords: social policies; state; market and society.

1. Mối quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội trong lịch sử chính sách xã hội Hoa Kỳ

Khi các học giả thảo luận về các trạng thái phúc lợi hoặc chính sách xã hội, họ thường đề cập đến nỗ lực của các quốc gia nhằm giải quyết tình trạng mất an ninh kinh tế và bất bình đẳng do rủi ro đối với thu nhập thường xuyên. Ở Mỹ, chính sách xã hội hiện đại và các dịch vụ xã hội khác đã chuyển đổi đặc tính của các tiểu bang. Nhiều bang thực hiện chính sách này chủ yếu để duy trì thu nhập, điều trị bệnh tật và cung cấp các dịch vụ cho người dân trở thành nhà nước phúc lợi. Chính sách xã hội hiện đại thường được hiểu là các chương trình và dịch vụ của nhà nước giải quyết bất bình đẳng kinh tế do rủi ro đối với thu nhập và được nhà nước điều tiết đối với các nhóm

công dân cụ thể trong những hoàn cảnh cụ thể. Chính sách xã hội của Hoa Kỳ có thể được coi là cuộc cạnh tranh giữa những người ủng hộ chính phủ lớn với thị trường và các phong trào xã hội.

Chỉ tiêu xã hội của Mỹ ngày càng giảm so với các nền dân chủ công nghiệp tiên tiến khác. Điều này có nghĩa nhà nước thu hẹp vai trò, để thị trường và xã hội tham gia nhiều hơn vào việc cung cấp phúc lợi xã hội. Các phong trào và ý tưởng tôn giáo, chủng tộc, hệ tư tưởng, khoa học và triết học đã ảnh hưởng đến chính sách xã hội của Mỹ trong lịch sử, chẳng hạn như các giá trị Tin lành về sự chăm chỉ và chủ nghĩa cá nhân khuyến khích các cá nhân tự đảm bảo an sinh của bản thân thay vì trông đợi vào nhà nước. Giáo

huấn xã hội của Giáo hội Công giáo cũng có ảnh hưởng đáng kể đến sự phát triển của chính sách xã hội. Sau cuộc đại suy thoái ảnh hưởng đến Hoa Kỳ trong những năm 1930 Tổng thống Franklin D. Roosevelt tập trung chủ yếu vào chương trình cung cấp việc làm và kích thích nền kinh tế thông qua chỉ tiêu công (New Deal). Mỹ được coi là quốc gia đi sau về phúc lợi bởi vì nó đã không thành lập bảo hiểm xã hội trên toàn quốc cho đến năm 1935, và một nhà nước phúc lợi không đầy đủ bởi vì nó chưa bao giờ ban hành bảo hiểm y tế quốc gia hoặc thành lập các chương trình việc làm được phối hợp với các chính sách xã hội (Theda Skocpol 1996).

So sánh giữa các quốc gia, tiểu bang theo thời gian, các học giả đã nhận thấy số tiền chi cho các chương trình và dịch vụ này theo tỷ lệ phần trăm của thu nhập quốc dân hoặc sản phẩm (Wilensky 1975). Theo cách hình dung này, *chính sách xã hội của Mỹ lạc hậu và chỉ tiêu rất hạn chế*. Trong thập kỷ qua, các học giả đã nêu khái niệm chính sách xã hội một cách tổng thể hơn, với các chế độ nhà nước phúc lợi, dân chủ xã hội, chủ nghĩa bảo thủ. Các chế độ phúc lợi kiểu tự do được thiết kế để làm cho thị trường lao động vận hành trơn tru, đề cao vai trò của thị trường trong việc cấp phúc lợi cho người lao động. Trong loại hình tự do, ít có sự hiện diện của nhà nước mà sự kiểm soát của tư nhân bù đắp cho khoảng trống này thay cho nhà nước (Castles & Mitchell 1993). *Chính sách của Mỹ thời hậu chiến được coi gần với loại hình chủ nghĩa tự do, chỉ tiêu tương đối thấp*, phần lớn phúc lợi đến từ khu vực tư nhân dành cho hưu trí và sức khỏe.

Do thiếu các liên đoàn lao động lớn, các phong trào xã hội và một số nhóm lợi ích hoạt động gần với cương lĩnh các đảng Dân chủ xã hội. Piven & Cloward (1977) cho rằng phong trào của những người nghèo trong giai đoạn bầu cử đã tạo ra các nhượng bộ về chỉ tiêu xã hội. Các phong trào xã hội có một số ảnh hưởng đến chính sách xã hội của Mỹ nhưng mức độ và bản chất của các tác động vẫn chưa rõ ràng. Ngoài ra, các

nhà tư bản, các tổ chức và phe phái cũng có vai trò nhất định trong việc hoạch định chính sách xã hội của Mỹ (Manza 2000). Phe bảo thủ cực hữu (Domhoff 1990, 1996), các hiệp hội kinh doanh và các doanh nhân nhỏ (Quadagno 1984) ở Mỹ thường phản đối mạnh mẽ các chỉ tiêu xã hội rộng rãi (Vogel 1989).

Burstein (1998) cho rằng *dur luận xã hội* cũng có ảnh hưởng nhất định đến việc hình thành chính sách xã hội, đặc biệt đối với các vấn đề mà mức độ quan tâm của công chúng cao, trong một số trường hợp dư luận xã hội có vai trò thúc đẩy việc thông qua chính sách xã hội. Stimson và cộng sự (1995) nhận thấy rằng chính phủ Hoa Kỳ thường phản ứng với dư luận thông qua dự đoán đến việc thông qua hay hứa hẹn các chính sách có lợi cho kết quả bầu cử (Erikson và cộng sự 1993). Theo đó các chính trị gia có thể đưa vào chương trình nghị sự có lợi cho việc thu hút cử tri và phiếu bầu của họ.

Như vậy, có thể thấy mặc dù có sự thay đổi nhất định như các cuộc suy thoái, khủng hoảng kinh tế, xã hội và các đảng chính trị cầm quyền khác nhau nhưng hệ thống chính sách xã hội của Mỹ được định hình bởi các giá trị của đạo Tin Lành, giáo huấn của Giáo hội Công giáo, đặc trưng của chủ nghĩa tư bản, các phong trào xã hội mối quan hệ giữa nhà nước - thị trường - xã hội trong hoạch định và thực thi chính sách xã hội của Mỹ về cơ bản là thu hẹp vai trò của nhà nước (chỉ tiêu xã hội thấp), đề cao vai trò của thị trường và xã hội trong cung ứng phúc lợi xã hội cho người dân.

2. Mối quan hệ nhà nước - thị trường - xã hội trong chính sách xã hội Hoa Kỳ hiện nay

Những năm gần đây, trong khuôn khổ của Hiến pháp và đặc trưng các giá trị kiểu Mỹ, việc các đảng Dân chủ hay Cộng hòa thay nhau cầm quyền đã có ảnh hưởng nhất định đến các chính sách công nói chung, chính sách xã hội nói riêng. Theo đó, đảng Dân chủ có xu hướng mở rộng vai trò của nhà nước trong việc cung cấp phúc lợi xã hội, còn đảng Cộng hòa thì ngược lại, muốn thu

hẹp vai trò của nhà nước, tăng cường vai trò của thị trường và xã hội trong cung cấp phúc lợi xã hội cho người dân. Các nghiên cứu gần đây về chính sách xã hội Hoa Kỳ cho thấy những điểm yếu đáng kể, Hoa Kỳ xếp hạng trung bình thấp (hạng 28), điểm số đã giảm 0,2 điểm so với năm 2014⁽¹⁾. Thời Tổng thống Obama của đảng Dân chủ cầm quyền, ông ban hành chính sách Obamacare, cung cấp bảo hiểm y tế cho hàng triệu người Mỹ, nhiều người có bảo hiểm y tế toàn diện hơn so với trước. Khi luật được thông qua vào năm 2010, 46,5 triệu người không có bảo hiểm ở Hoa Kỳ; đến năm 2018, con số đó đã giảm xuống còn 27,9 triệu⁽²⁾. Chính phủ của đảng Dân chủ đã mở rộng vai trò của nhà nước, tăng chi tiêu xã hội đối với các chương trình y tế và mong muốn mở rộng hơn nữa, nhiều người dân được hưởng lợi từ chính sách này. Đến thời đảng Cộng hòa cầm quyền, Tổng thống Trump cố gắng bãi bỏ đạo luật này, cho rằng các chi tiêu như vậy gây tốn kém, hướng đến giảm vai trò của nhà nước và để thị trường và xã hội có vai trò mạnh hơn trong cung cấp phúc lợi xã hội cho người dân. Đại dịch Covid-19 nêu bật sự bất bình đẳng lớn của hệ thống chăm sóc sức khỏe. Việc chính quyền Trump xóa bỏ quy định bảo hiểm y tế cá nhân thời Obama đã làm tăng số người không được bảo hiểm và tăng chi phí bảo hiểm. Chính quyền của Đảng Dân chủ của Tổng thống Biden hiện nay đã tìm cách cải thiện khả năng tiếp cận y tế của người dân, đảo lại các chính sách thời Trump.

Mặc dù được tài trợ lớn nhưng sự bất bình đẳng trong hệ thống giáo dục vẫn còn nghiêm trọng. Hỗ trợ tài chính chậm cho sinh viên thu nhập thấp có nghĩa là sinh viên giàu có khả năng tốt nghiệp đại học cao hơn nhiều. Bất bình đẳng thu nhập đã gia tăng đáng kể. Chính quyền Trump đã cắt giảm các chương trình cho người nghèo. Luật pháp thời đại dịch tạm thời tăng trợ cấp phúc lợi và tín dụng thuế cho các gia đình nghèo. Chính sách gia đình trực tiếp là tối thiểu, nhưng các gia đình có trẻ em nhận được trợ cấp thuế. Việc tiếp cận phá thai gần như không còn tồn tại ở một số

bang. Sự bế tắc về mặt tư tưởng đã ngăn cản việc thông qua các cải cách bền vững của hệ thống lương hưu. Chính quyền Biden đã đảo ngược hầu hết các chính sách chống nhập cư của Trump. Tỷ lệ giết người ở đô thị leo thang và các vụ xả súng quy mô lớn đang là vấn đề nổi cộm.

Nhà nước phúc lợi của Mỹ cũng có nhiều điểm đặc biệt trái ngược với các hệ thống của châu Âu. Cách tiếp cận chính sách xã hội của Hoa Kỳ được phân loại là mô hình Anglo-Saxon hoặc tự do (Esping-Andersen, 1990). Trong thuật ngữ này, "tự do" đề cập đến nhiều quốc gia nói tiếng Anh có nền kinh tế hướng đến thị trường tự do (với mức độ điều tiết, thuế và dịch vụ của chính phủ tương đối thấp) hơn so với các nền kinh tế tư bản khác. Trong khi các quốc gia như Thụy Điển, hoạt động theo mô hình dân chủ xã hội, trong đó nhà nước cam kết hào phóng về việc làm đầy đủ, bảo vệ thu nhập, nhà ở, giáo dục, y tế và bảo hiểm xã hội. Mô hình dân chủ xã hội thúc đẩy bình đẳng xã hội thông qua qui định tiền lương, được tổ chức qua thương lượng tập thể của các công đoàn và các chính sách thuế hướng nguồn lực vào hệ thống an sinh xã hội (Bambra và Beckfield, 2012). Các chương trình hỗ trợ người nghèo ít được quan tâm, ngược lại có nhiều chương trình phục vụ nhóm khách hàng trung lưu. Một đặc điểm chính của nhà nước phúc lợi Mỹ là bản chất *phi tập trung* của nó. Trong khi an sinh xã hội được quản lý bởi chính phủ liên bang, hầu hết các chương trình trợ giúp được kiểm soát bởi các tiểu bang và thành phố. Tương tự như vậy, có nhiều chương trình cấp tiểu bang vượt xa hoặc tụt hậu so với các tiêu chuẩn liên bang, tùy theo chính quyền bang do đảng nào cầm quyền. Khía cạnh quan trọng thứ ba là *hệ thống chính sách xã hội của Mỹ phụ thuộc rất nhiều vào các tổ chức từ thiện và nhân đạo*. Sự gia tăng đáng kể của Great Society (sau khủng hoảng kinh tế 1930) về số tiền thu được từ các tổ chức phi lợi nhuận thông qua các khoản trợ cấp, miễn thuế và các thỏa thuận mua dịch vụ đã thay đổi toàn bộ cấu trúc của nguồn tài trợ

phi lợi nhuận. Tiền lệ do Great Society đặt ra vẫn là một yếu tố ổn định trong mối quan hệ sau những năm 1960 giữa chính phủ và khu vực phi lợi nhuận. Trong xu hướng tư nhân hóa các dịch vụ xã hội hiện nay, cả các nhà cung cấp phi lợi nhuận và vì lợi nhuận đều tranh giành các hợp đồng của chính phủ. Một số học giả thậm chí còn lập luận rằng mạng lưới rộng lớn của các cơ quan xã hội tư nhân đã tạo nên một mạng lưới an toàn xã hội có thể so sánh với các quốc gia phúc lợi châu Âu. Trong khi luận điểm này đang gây tranh cãi, nhiều cơ quan từ thiện đã mở rộng hoạt động từ mục đích đơn lẻ sang hoạt động đa mục đích. Tài trợ của chính phủ cho các dịch vụ xã hội của khu vực thứ ba đã tăng lên đáng kể từ những năm 1960. Các chính sách việc làm và biện pháp an sinh xã hội được hứa hẹn hay thông qua có thể là biện pháp của các đảng chính trị, chính trị gia nhằm mục đích *thu hút phiếu bầu* từ những lao động.

Các quốc gia giàu có khác vượt trội hơn Hoa Kỳ với các chính sách không chỉ về tình trạng sức khỏe mà còn về bảo vệ trẻ em khỏi đói nghèo, giáo dục thanh thiếu niên và thúc đẩy tính di chuyển xã hội. Ví dụ, trong chính sách y tế, người dân ít có khả năng tiếp cận, đặc biệt là đối với những người nghèo hoặc không có bảo hiểm; chính sách có sự phân mảnh, khoảng trống (Institute of Medicine, 2001, 2010). Các chính sách ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng, giáo dục và nền kinh tế được định hình bởi việc sắp xếp thể chế trong xã hội - các thỏa thuận của chính phủ và phi chính phủ nhằm tổ chức các mối quan hệ xã hội, xếp hạng mọi người vào các thứ bậc xã hội, xếp hạng giá trị, cơ cấu việc làm và thị trường lao động, địa chỉ điều kiện làm việc (Bambra và Beckfield, 2012). Các sắp xếp thể chế trong xã hội xác định quyền của người dân và khả năng tiếp cận nhà ở, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, lương hưu, bảo hiểm thất nghiệp, thương lượng tập thể, và văn hóa (Hall và Lamont, 2009; Krieger và cộng sự, 2008; Pinto và Beckfield, 2011).

3. Chính sách xã hội của Hoa Kỳ trong sự so sánh với một số quốc gia

Trong thế kỷ qua, châu Âu đã xây dựng các quốc gia phúc lợi lớn, trong khi Mỹ duy trì một hệ thống ít hào phóng hơn. Chẳng hạn nước Mỹ chi khoảng 11% GDP cho các chương trình xã hội, thì Pháp chi gần gấp đôi số tiền đó; Các nước Bắc Âu còn chi tiêu nhiều hơn. So với GDP, người châu Âu chi nhiều hơn năm lần so với Mỹ chi cho cho bảo hiểm thất nghiệp và các chương trình thị trường lao động khác⁽³⁾. Không chỉ châu Âu chi tiêu nhiều hơn cho các chương trình xã hội mà họ còn điều tiết nhiều hơn nhằm cố gắng ít nhiều thành công để bảo vệ người lao động chống lại lợi ích kinh doanh. Các quy định của thị trường lao động đặc biệt xâm phạm với các quy tắc như cấm hoặc chi phí cao cho việc sa thải, bắt buộc kỳ nghỉ dài có lương, thời gian làm việc ngắn trong một tuần làm việc bình thường, nghỉ ốm và thai sản hào phóng, v.v.. Ví dụ, hầu hết các chính phủ quốc gia châu Âu yêu cầu hơn 25 kỳ nghỉ ngày mỗi năm cho người lao động, trong khi ở Hoa Kỳ, chính phủ liên bang không chính thức đưa ra yêu cầu này⁽⁴⁾. Số lượng kỳ nghỉ là một vấn đề hợp đồng riêng giữa người lao động và người sử dụng lao động. Như vậy, đối với Mỹ, nhà nước ít can thiệp vào các quan hệ lao động mà để thị trường điều tiết, và phần thiệt thòi thường là người lao động.

Thuế ở châu Âu không chỉ cao hơn mà còn tiến bộ hơn so với Mỹ khi có cơ chế phân phối lại nguồn thu. Ở châu Âu, luật hưu trí cho phép nghỉ hưu sớm, theo truyền thống với những đặc quyền dành cho công nhân viên chức và phụ nữ. Người lao động nghỉ hưu ở độ tuổi cuối năm mươi ở châu Âu được hưởng đủ lương hưu rất phổ biến ở châu Âu. Một số quốc gia đang dần cố gắng thay đổi những luật này nhưng liên đoàn lao động do người lao động lớn tuổi và hưu trí kiểm soát phản đối rất mạnh mẽ. Nhiều chính phủ châu Âu đã thất bại vì cải cách lương hưu hoặc phải chịu những bất ổn xã hội kéo dài ngay cả đối với những nỗ lực cải cách tương đối nhỏ. Như vậy, các tổ chức công

đoàn và xã hội châu Âu có vai trò lớn hơn trong việc ảnh hưởng đến chính sách xã hội.

Một số khác biệt nổi bật nhất giữa Hoa Kỳ và châu Âu và đặc biệt là những khác biệt liên quan đến bảo trợ và phúc lợi xã hội bắt nguồn từ những cách suy nghĩ khác nhau, những hệ tư tưởng khác nhau theo nghĩa rộng nhất của thuật ngữ này. Theo Khảo sát Giá trị Thế giới, 29% người Mỹ, 60% người châu Âu nghĩ rằng người nghèo bị mắc kẹt trong nghèo đói. 60% người Mỹ, 26% người châu Âu tin rằng người nghèo lười biếng. Một số cuộc khảo sát cho thấy khoảng 60% người Mỹ, 11% người Pháp cho rằng tôn giáo rất quan trọng. Điều đó cho thấy người Mỹ nhìn nhận trách nhiệm cá nhân trong việc tự đảm bảo an sinh xã hội và vai trò, ảnh hưởng của tôn giáo đến niềm tin cá nhân rất quan trọng.

Alberto Alesina, Edward L. Glaeser (2006) cho rằng thể chế chính trị, những tác động trực tiếp và gián tiếp của sự không đồng nhất về sắc tộc, bao gồm cả những vấn đề về hệ tư tưởng. Hoa Kỳ có một nhóm các thể chế - bao gồm một hệ thống bầu cử đa số, sự kiểm tra và cân bằng rộng rãi bao gồm hiện tượng phổ biến là chính phủ bị chia rẽ, một tình huống trong đó Quốc hội bị kiểm soát bởi đảng đối lập và Hiến pháp bảo vệ các quyền tài sản - vốn đã hạn chế vai trò của nhà nước. Đây là kết quả của lịch sử thế kỷ 20 khi, sau cuộc nổi dậy của người lao động và các cuộc chiến tranh.

Tóm lại, hệ thống chính sách xã hội nói chung, của Mỹ nói riêng phản ánh nhiều yếu tố, bao gồm lịch sử, mô hình quản trị, giá trị xã hội và các ưu tiên./

(1) Xem: Sustainable governance indicators, https://www.sgi-network.org/2017/United_States/Social_Policies

(2) Xem: <https://www.bu.edu/law/record/articles/2020/assessing-the-affordable-care-act/>

(3) Xem: Why are welfare states in the US and Europe so different?

What do we learn?, <https://www.cairn.info/revue-horizons-strategiques-2006-2-page-51.htm>

(4) Xem: Why are welfare states in the US and Europe so different?

What do we learn?, <https://www.cairn.info/revue-horizons-strategiques-2006-2-page-51.htm>

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Skocpol, Theda (1992). *Protecting Soldiers and Mothers*. Harvard University Press. Retrieved 21 March 2020.
2. Skocpol, Theda (1996). *The Politics of American Social Policy, Past and Future. Individual and Social Responsibility: Child Care, Education, Medical Care, and Long-Term Care in America*. Editor: Victor R. Fuchs. University of Chicago Press. ISBN: 0-226-26786-5. URL: <http://www.nber.org/books/fuch96-1>
3. Edwin Amenta, Chris Bonastia, and Neal Caren (2001). US social policy in comparative and historical perspective: Concepts, Images, Arguments, and Research Strategies. *Annu. Rev. Sociol.* 27:213-34.
4. Schäfer, Axel R. (2007). Social Policy and Welfare Reform in the United States-An Introduction. *American Studies Journal* 49. Web. 29 Sep. 2022. DOI 10.18422/49-03.
5. Wilensky H. (1975). *The Welfare State and Equality: Structural and Ideological Roots of Public Expenditures*. Berkeley/Los Angeles: Univ. Calif. Press
6. Castles FG, Mitchell D. (1993). Worlds of welfare and families of nations. In *Families of Nations: Patterns of Public Policy in Western Democracies*, ed. FG Castles. Aldershot:Dartmouth
7. Piven FF, Cloward RA. (1977). *Poor People's Movements: Why They Succeed, How They Fail*. New York: Pantheon
8. Manza J. (2000). Political sociological models of the U.S. *New Deal. Annu. Rev. Sociol.* 26:297-322
9. Domhoff GW. (1990). *The Power Elite and the State: How Policy is Made in America*, Ch. 3. New York: Aldine de Gruyter
10. Quadagno JS. (1984). Welfare capitalism and the Social Security Act of 1935. *Am. Sociol. Rev.* 49:632-47
11. Burstein P. (1998). Bringing the public back in: Should sociologists consider the impact of public opinion on public Policy? *Social Forces* 77:27-62
12. Stimson JA, MacKuen MB, Erikson RS. (1995). Dynamic representation. *Am. Polit. Sci. Rev.* 89:543-65
13. Erikson RS, Wright GC, McIver JP. (1993). *Statehouse Democracy: Public Opinion and Policy in the American States*. New York: Cambridge Univ. Press
14. Institute of Medicine (2010). *The healthcare imperative: Lowering costs and improving outcomes: Workshop series summary*. In: Yong PL, Olsen LA, editors. *Roundtable on Evidence-Based Medicine*. Washington, DC: The National Academies Press.
15. Bambra C, Beckfield J. Institutional arrangements as candidate explanations for the US mortality disadvantage. 2012. Unpublished paper prepared for the NAS/IOM Panel on Understanding Cross-National Health Differences Among High-Income Countries. Department of Geography, Durham University and Department of Sociology, Harvard University.
16. Hall PA, Lamont M (2009). *Successful societies: And how institutions and culture affect health*. Cambridge, UK: Cambridge University Press.
17. Krieger N, Rehkopf DH, Chen JT, Waterman PD, Marcilli E, Kennedy M (2008). The fall and rise of U.S. inequities in premature mortality: 1960-2002. *PLoS Medicine*.

